

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 07-4-2022.

“V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Hai;

2. Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022, “V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 01/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐST-DS ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà 24, đường Lê Văn M, tổ 33, khóm Mỹ Tr, phường Mỹ Ph, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Số 209, Khóm B, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số nhà 485/6, ấp Tân Th, xã Tân Ph, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Th, ông L đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án,

nguyên đơn ông Trần Th trình bày:

Ông Th và ông L có quen biết nhau và nhiều lần ông Th cho ông L vay tiền trước đó nên ngày 10/4/2021, ông Th cho ông L vay số tiền 80.000.000 đồng, có làm biên nhận vay tiền, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hạn 3 ngày hoàn trả vốn vay và lãi. Sau khi vay xong, ông L bảo là ngân hàng cho vay lại không đủ nên hạn chờ xin tiền con ở Đài Loan để trả nợ cho ông Th. Sau đó, do dịch bệnh con cái làm ăn không được, không có tiền trả nợ nên tới nay ông L không trả nợ cho ông Th. Số tiền vay ghi trong giấy biên nhận là số tiền vốn gốc vay, không phải số tiền vốn và lãi nhập chung. Nay ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L có trách nhiệm trả số tiền nợ vay 80.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/02/2022 với lãi suất 1%/tháng là $80.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 8.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi là 88.000.000 đồng (*tám mươi tám triệu đồng*).

Tại phiên tòa ông Th trình bày: Ông Th yêu cầu ông L có trách nhiệm trả số tiền nợ vay 80.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/12/2021 với lãi suất 1%/tháng là $80.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 6.400.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi là 86.400.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Tấn L trình bày:

Ông L không thống nhất với lời trình bày của ông Th là ông L có vay của ông Th số tiền 80.000.000 đồng. Ông L đã quen biết ông Th nhiều năm, ông Th là người cho vay lãi cao và ông L đã nhiều lần vay tiền của ông Th. Hiện tại, ông L còn nợ hai lần vay tiền của ông Th cụ thể như sau: Lần thứ nhất ông L vay và nhận tiền vay của ông Th 30.000.000 đồng và lần thứ hai là vay 20.000.000 đồng, cả 02 lần vay tiền ông L đều ký biên nhận do ông Th viết và đưa ông L ký tên, ông L không giữ biên nhận vay tiền, các giấy biên nhận vay tiền đều do ông Th giữ và ông L không có bất kỳ chứng cứ giấy tờ gì thể hiện vay 50.000.000 đồng.

Ông L thừa nhận có ký và ghi họ tên vào biên nhận vay tiền ngày 10/4/2021 do ông Th cung cấp cho Tòa án, khi ông Th đưa giấy biên nhận vay tiền ngày 10/4/2021 đến nhà cho ông L ký, ông L có hỏi ông Th tại sao ghi số tiền trong biên nhận đến 80.000.000 đồng thì ông Th cho rằng đây là số tiền vốn và lãi nhập chung nhưng ông không có chứng cứ thể hiện lãi và vốn nhập chung này. Do đó, ông L đồng ý trả cho ông Th số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng tính từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/02/2022 với lãi suất 1%/tháng là $50.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 5.000.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa ông L trình bày: Ông L thừa nhận có ký và ghi họ tên vào biên nhận vay tiền ngày 10/4/2021 nhưng thực tế ông L chỉ vay của ông Th số tiền 50.000.000 đồng nên ông L đồng ý trả cho ông Th số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng tính từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/12/2021 với lãi suất 1%/ tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ vay và tiền lãi theo biên nhận vay tiền nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét số tiền vay:

Xét thấy, Giấy biên nhận ngày 10/4/2021 được đánh máy và viết tay có nội dung ông Lê Tấn L vay của ông Trần Th số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất vay 2%/tháng, vay không thời hạn, mục đích vay là đáo nợ ngân hàng, người nhận là Lê Tấn L ký tên và ghi họ tên được nguyên đơn ông Trần Th cung cấp và đã được Tòa án công khai chứng cứ sao chụp cho bị đơn ông Lê Tấn L và ông L thừa nhận đây là biên nhận ông L ký tên, ghi họ tên vay tiền của ông Th nhưng ông L cho rằng biên nhận ngày 10/4/2021 là số tiền vốn và lãi nhập chung nhưng ông không có chứng cứ thể hiện lãi và vốn nhập chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định việc ông L vay tiền 80.000.000 đồng của ông Trần Th là có thật được thể hiện trong giấy biên nhận ngày 10/4/2021 có chữ ký, ghi họ tên Lê Tấn L, đã được bị đơn thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào giấy biên nhận ngày 10/4/2021. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, bị đơn Lê Tấn L cho rằng số tiền nợ ghi trong giấy biên nhận ngày 10/4/2021 mà nguyên đơn cung cấp là không đúng với số tiền bị đơn nhận thực tế từ nguyên đơn là 50.000.000 đồng. Ông L cũng thừa nhận trước khi ký tên và ghi họ tên vào giấy biên nhận ngày 10/4/2021 ông L đã đọc và biết được số tiền mà ông Th ghi là 80.000.000 đồng nhưng ông vẫn đồng ý, vì ông Th cho rằng là tiền lãi với tiền vốn nhập chung nhưng ông L không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, ông Trần Th yêu cầu ông Lê Tấn L trả số tiền nợ 80.000.000 đồng

là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Lê Tấn L trả tiền lãi vay với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/12/2021 cụ thể như sau: 80.000.000 đồng x 08 tháng x 1%/tháng = 6.400.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất cho vay thể hiện trong giấy biên nhận ngày 10/4/2021 là 2%/ tháng, ông L không có ý kiến gì về lãi suất và ký tên, ghi họ tên vào biên nhận, vì vậy ông L đã thừa nhận lãi suất cho vay là 2%/tháng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn đã điều chỉnh lãi suất yêu cầu ông L trả tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng và ông L cũng đồng ý lãi suất cho vay là 1%/tháng. Do ông L phải trả cho ông Th số tiền vay 80.000.000 đồng nên ông L phải có trách nhiệm trả tiền lãi của số tiền vay 80.000.000 đồng cho ông Th là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Tiền lãi từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/12/2021 được tính cụ thể như sau: 80.000.000 đồng x 08 tháng x 1%/tháng = 6.400.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vốn vay và tiền lãi ông L phải trả cho ông Th là 86.400.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Lê Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí do ông L là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 429, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Trần Th về việc yêu cầu bị đơn Lê Tấn L trả tiền vốn, lãi vay còn nợ là 86.400.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Buộc ông Lê Tấn L phải trả cho ông Trần Th số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng và 6.400.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 86.400.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Ông Trần Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Tấn L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí do ông L là người cao tuổi.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 07/4/2022.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng